

**SỞ Y TẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG  
TRUNG TÂM Y TẾ BÀU BÀNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 1408 /TTYT

Bàu Bàng, ngày 18 tháng 11 năm 2024

V/v mời tham gia chào giá dịch vụ thẩm định giá hàng hoá cho gói thầu “Mua sắm hoá chất xét nghiệm huyết học và sinh phẩm y tế sử dụng năm 2025 - 2026”.

Kính gửi: Các đơn vị/ công ty kinh doanh.

Hiện nay, Trung tâm Y tế huyện Bàu Bàng đang có nhu cầu thẩm định giá hàng hoá cần mua sắm cho gói thầu “Mua sắm hoá chất xét nghiệm huyết học và sinh phẩm y tế sử dụng năm 2025 - 2026”. Nay Trung tâm Y tế huyện Bàu Bàng kính mời quý Công ty, đơn vị, nhà cung cấp dịch vụ có năng lực, khả năng chào giá dịch vụ thẩm định giá. Danh mục mua sắm bao các loại hàng hoá sau:

(Phụ lục 01: Danh mục hàng hoá đính kèm)

**Lưu ý:**

- Bảng chào giá dịch vụ thẩm định giá là giá đã bao gồm VAT, đơn giá VNĐ.
- Đơn vị tham gia chào giá cung cấp hồ sơ pháp lý chứng minh năng lực, hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm:
  - + Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
  - + Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.
  - + Các loại giấy tờ khác có liên quan.
- Bảng chào giá bỏ trong phong bì, còn niêm phong.
- Hình thức nộp: Bản giấy.
- Hồ sơ chào giá gửi về: Khoa Dược - Trung tâm Y tế huyện Bàu Bàng, Đường D7-N9, Khu Công nghiệp và Đô thị Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Điện thoại liên hệ: 0985536866 – CN Thanh hoặc 0902752751 – DS. Sang.
- Hạn chót nộp thông tin: 16 giờ, ngày 24 tháng 11 năm 2024.

Sau thời gian trên, nếu quý công ty, đơn vị không nộp hồ sơ xem như không tham gia chào giá.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Webside TTYT;
- Lưu VT.

**GIÁM ĐỐC**



**Mai Thị Kim Dung**

**Phụ lục 01: DANH MỤC**

*(Kem theo Công văn số 1408 /TTYT ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Bàu Bàng)*

| STT | Danh mục hàng hoá                                                                 | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|
| I   | <b>Sinh phẩm xét nghiệm</b>                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |          |         |
| 1   | Khay thử xét nghiệm định tính phát hiện các kháng thể kháng HCV trong huyết thanh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Định tính phát hiện các kháng thể kháng HCV trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Có dung dịch đệm đi kèm</li> <li>- Độ nhạy : 100% (99.53% - 100%)</li> <li>- Độ đặc hiệu : 99.78%% (99.36% - 99.95%)</li> <li>- Độ chính xác: 99.85 % ( 99.56%-99.97%)</li> <li>- Thẻ tích mẫu: S/P 50 µL , Kit thử ổn định 150 ngày khi ở nhiệt độ 45 độ C</li> <li>- Thành phần: Vạch chứng: Dê Kháng IgG chuột: 0.401 - 0.803 µg/ test; Vạch thử: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp: 0.201 - 0.602 µg/ test; Cộng hợp vạch thử:kháng nguyên HCV tái tổ hợp: 0.034 - 0.083 µg/ test</li> <li>- Kích thước: Rộng: 20.00 +/- 0.20 (mm), Dài: 70.00 +/- 0.30 (mm), Cao: 5.50 +/- 0.30 (mm)</li> <li>- Không bị gây nhiễu bởi các loại chất có khả năng gây nhiễu mẫu phẩm chứa 0,2 mg/mL Axit Ascorbic, 10 mg/mL Hemoglobin, 0,6 mg/mL Bilirubin, 0,2 mg/mL Axit Gentisuric, 1 mg/mL 4-Acetaminophen, 0,2 mg/mL Axit Acetylsalicylic, 0,2 mg/mL Caffeine, 0,2 mg/mL Axit Oxalic, 0,6 mg/mL Axit Uric, 20 mg/mL Albumin, 0,2 mg/mL EDTA và 50 mg/mL Triglyceride.</li> <li>- Dạng khay, HSD : 24 tháng</li> <li>- Giấy phép lưu hành do BYT phân loại D</li> <li>- Bảng dữ liệu an toàn (MSDS)</li> <li>- Đạt chứng nhận ISO &amp; CE Mark &amp; EUFSC</li> </ul> | Test        | 1.500    |         |

| STT | Danh mục hàng hoá                                                            | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|
| 2   | Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên NS1                               | <p>Định tính kháng nguyên dengue virus NS1 ở trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần của người,</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy tương đối: 97.16%; Độ đặc hiệu tương đối: &gt;99.9% so với RT-PCR</li> <li>- Giới hạn phát hiện: Tuýp 2 : 0.006125 µg/ml, tuýp 3: 0.00153125µg/ml, tuýp 4: 0.006125 µg/ml</li> <li>- Không có phản ứng chéo Corynebacterium diphtheria, Hemophilus influenzae (1×10<sup>8</sup>CFU/ml), Adenovirus tuýp 3, Vi rút parainfluenza tuýp 1, Vi rút viêm não Nhật Bản (1×10<sup>4</sup> pfu/ml)</li> <li>- Thể tích 100 µl</li> <li>- Giấy phép lưu hành do BYT cấp thuộc phân loại C</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO &amp; CFS &amp; GMP</li> <li>- Bảng dữ liệu an toàn sinh học (MSDS) do TURKAK, IAF chứng nhận.</li> </ul>                                                                                                                                                                            | Test        | 2,000    |         |
| 3   | Que thử xét nghiệm định tính phát hiện kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B | <p>Định tính phát hiện kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương của người.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy: 100% ( 98,0%-100%)</li> <li>- Độ đặc hiệu : 96,8% (92,6%-98,9%),</li> <li>- Độ chính xác: 98.3% (96.2%-99.4%)</li> <li>- Ngưỡng phát hiện: 1 ng/mL</li> <li>- Ổn định đến nhiệt độ 45 độ C trong 77 ngày, Dạng khay</li> <li>- Thành phần: Vạch chứng (C): Kháng thể IgG dê kháng chuột 0.161µg~.1.204µg, Vạch thử (T): Kháng thể kháng HBsAg 0.321~ 1,204µg, Cộng hợp vạch thử: kháng thể HBsAg: 0.188-1.486 µg/ test</li> <li>-Không bị gây nhiễu bởi các loại chất có khả năng gây nhiễu: Ascorbic acid, Hemoglobin, Gentistic acid, Oxalic acid, Bilirubin, Uric acid, Acetoaminophen, Aspirin, Methanol, Creatine, Albumin, Caffeine.</li> <li>- Giấy phép lưu hành do BYT cấp thuộc phân loại D</li> <li>- Bảng dữ liệu an toàn (MSDS)</li> <li>- Đạt chứng nhận ISO &amp; FSC</li> </ul> | Test        | 3,100    |         |

| STT | Danh mục hàng hoá                                                                                        | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|
| 4   | Khay/Thẻ thử xét nghiệm định tính Amphetamine, Methamphetamine, Marijuana, và Morphine (AMP/MET/THC/MOP) | <p>Test thử nhanh phát hiện 4 chất ma túy (MOP/AMP/MET/THC)</p> <p>MOP: Ngưỡng cut-off: 300 ng/ml</p> <p>AMP: Ngưỡng cut-off: 500 ng/ml</p> <p>MET: Ngưỡng cut-off: 500 ng/ml</p> <p>THC: Ngưỡng cut-off: 50 ng/ml</p> <p>Độ nhạy: 99,9%</p> <p>Độ đặc hiệu: 99,9%</p> <p>Chứng nhận GMP&amp; FDA&amp;EUFS&amp;CE&amp;ISO</p> <p>Kích thước: 4x80x4 chân</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Test        | 2,500    |         |
| 5   | Khay/Que thử xét nghiệm định tính treponema pallidum                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Định tính phát hiện các kháng thể IgG&amp;IgM anti-TP trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương.</li> <li>- Độ nhạy : 99.5% ( 98.1%-99,9%)</li> <li>- Độ đặc hiệu : 99.8% ( 98.9%-100.0%),</li> <li>- Độ chính xác: 99.7% ( 99.0%-99,9%)</li> <li>- Giới hạn phát hiện: ở ngưỡng pha loãng 1:1024 mẫu dương tính với giang mai</li> <li>- Kít thử ổn định 77 ngày khi để ở nhiệt độ 45°C</li> <li>- Thành phần: Cộng hợp vạch chứng C: Biotin (0,009-0,067µg); Cộng hợp vạch thử T: Kháng nguyên Syphilis (0,0004-0,001µg), Vạch thử (T): Kháng nguyên Syphilis (0,032-0,482µg), Vạch chứng (C): Streptavidin (0,161-0,963µg)</li> <li>- Không có phản ứng chéo với mẫu HBsAg dương tính, HBsAb dương tính, HBeAb dương tính, HBcAb dương tính, kháng HIV dương tính, Yếu tố dạng thấp (RF), kháng HCV dương tính và kháng Lao dương tính.</li> <li>- Dạng que. HSD 24 tháng.</li> <li>- Giấy phép lưu hành do BYT phân loại C</li> <li>- Bảng dữ liệu an toàn (MSDS)</li> <li>- Đạt chứng nhân ISO &amp; CE Mark &amp; EUFS&amp;</li> </ul> | Test        | 550      |         |

| STT | Danh mục hàng hoá                                 | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|
| 6   | Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HIV | <p>Sử dụng để phát hiện định tính kháng thể HIV-1 và/ hoặc HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người. Có dung dịch đệm đi kèm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy : 99.9% (99.3%-100.0%)</li> <li>- Độ đặc hiệu: 99.6%(99.1%-99.9%)</li> <li>- Độ chính xác: 99.8% (99.4%-99.9%)</li> <li>- Thể tích mẫu sử dụng: 25 uL, Kit thử ổn định 77 ngày khi để ở nhiệt độ 45°C</li> <li>- Thành phần: Vạch chứng (C): Streptavidin (0,032~0,401µg); Vạch thử (T): Kháng nguyên HIV-1 GP41 tái tổ hợp (0,048~0,321µg), Kháng nguyên HIV-2 GP36 tái tổ hợp (0,016~0,120µg); Cộng hợp vạch thử: Kháng nguyên HIV tái tổ hợp (0,012~0,089µg), Kháng nguyên HIV-2 GP36 (0,004~0,067µg)</li> <li>- Không bị phản ứng giả gây nhiễu bởi các chất Ascorbic acid, Haemoglobin, Bilirubin, Gentisuric acid, Acetoaminophen, Acetylsalicylic acid, Caffeine, Oxalic acid, Uric acid.</li> <li>- Dạng khay, HSD 24 tháng.</li> <li>- Giấy phép lưu hành do BYT phân loại D</li> <li>- Bảng dữ liệu an toàn (MSDS)</li> <li>- Đạt chứng nhận ISO &amp; FSC</li> </ul> | Test        | 1,300    |         |
| 7   | Que thử nước tiểu 10 thông số                     | <p>Tương thích với máy Phân tích Uritek/Model: TC 101</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng thử nước tiểu với 10 thông số: Bạch hầu / Nitrit / Urobilinogen / Protein / pH / Máu / SG / Ketone / Bilirubin / Glucose</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Test        | 5,500    |         |
| 8   | Test xét nghiệm nhanh Troponin I                  | <p>Test nhanh xác định tình trạng hoại tử cơ tim bằng Troponin I.</p> <p>Test dạng cassette có thể thực hiện trên máu toàn phần, huyết thanh và huyết tương</p> <p>Tiêu chuẩn CE &amp; ISO 13485</p> <p>Độ nhạy: 97,6%, độ đặc hiệu 99,4%.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Test        | 500      |         |

| STT | Danh mục hàng hoá                                            | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|
| 9   | Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể IgG và IgM kháng HAV | Test dạng cassette, thực hiện trên mẫu máu toàn phần, huyết tương hoặc huyết thanh. Phát hiện kháng thể HAV IgM<br>Độ nhạy 95,7%; Độ đặc hiệu: 99,1%; Độ chính xác: 98,6%<br>Tiêu chuẩn CE & ISO 13485<br>Cung cấp kèm que hút mẫu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Test        | 1,000    |         |
| 10  | Que thử đường huyết nhanh                                    | Phạm vi đo Glucose là 10 - 600 mg/dL, hoặc 0,6 - 33,3mmol/L<br>- Thời gian đo : Khoảng 5 giây (khoảng 8 giây ở chế độ định lượng bên ngoài)<br>- Phạm vi tỷ lệ hồng cầu: 20 -55 %, và 20 - 70% nếu máu được đưa vào ngoài máy đo<br>- 99,4% kết quả đo nằm trong vòng sai số $\pm 10$ mg/dL và 100% kết quả đo nằm trong vòng sai số $\pm 15$ mg/dL với Pp chuẩn ở nồng độ <100mg/dL hoặc 5.55 mmol/L<br>- 96,0% kết quả đo nằm trong vòng sai số $\pm 10\%$ và 99,8% kết quả đo nằm trong vòng sai số $\pm 15\%$ với Pp chuẩn ở nồng độ $\geq 100$ mg/dL hoặc 5.55 mmol/L<br>- Đo được 4 loại máu (máu tĩnh mạch, tĩnh mạch, động mạch, máu trẻ sơ sinh).<br>- Thử được ở những vị trí khác nhau như: đầu ngón tay, lòng bàn tay, cánh tay hoặc bắp tay<br>- Đạt chứng nhận ISO, & CE | Test        | 8,000    |         |
| 11  | Clo- test                                                    | Dùng tầm soát Helicobacter pylori (H. pylori) dựa vào khả năng sinh enzyme urease rất mạnh của vi khuẩn này<br>Phương pháp: Nhuộm mô học - Rapid Urease Test<br>Loại mẫu đầu vào: Mẫu mô sinh thiết dạ dày vùng thân vị, hang vị và môn vị<br>Thành phần bộ kit: Urea, Disodium hydrogen phosphate dihydrate, Potassium dihydrogen phosphate, Agar, Phenol red, nước.<br>Hạn sử dụng: 6 tháng kể từ ngày sản xuất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Test        | 650      |         |



| STT | Danh mục hàng hoá                     | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                               | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|
| II  | Hoá chất huyết học                    | Tương thích với máy Huyết học NIHON KOHDEN CELLTAC ES 7300                                                                                                                                      |             |          |         |
| 1   | Dung dịch pha loãng cho máy huyết học | Hóa chất pha loãng dùng cho máy huyết học<br>Thành phần:<br>- Sodium Chloride < 0,9 %<br>- Sodium Sulphate < 1,2 %<br>- Buffer < 1,1 %<br>- stabiliser < 0,01 %<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE | Lít         | 540      |         |
| 2   | Dung dịch phá vỡ hồng cầu             | Hóa chất ly giải hồng cầu đo Hgb<br>Thành phần:<br>- Potassium Cyanide < 0,05 %<br>- Detergent < 5,3 %<br>- Quaternary Ammonium Salt < 5,0 %<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE                    | Lít         | 02       |         |
| 3   | Dung dịch ly giải/ phá hồng cầu       | Hóa chất ly giải hồng cầu để đo 5 thành phần WBC<br>Thành phần:<br>- Sodium Chloride < 1,0 %<br>- Detergent < 1,0 %<br>- Buffers < 0.6 %<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE                        | Lít         | 07       |         |

| STT | Danh mục hàng hoá                                               | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|
| 4   | Dung dịch rửa thường xuyên                                      | Hóa chất rửa thường xuyên<br>Thành phần:<br>- sodium chloride < 0,9%<br>- Detergent < 1,1%<br>- Buffer < 0,3%<br>- Stabiliser < 0,3%<br>- Dye < 0,0001 %<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE                                                       | Lít         | 65       |         |
| 5   | Dung dịch rửa cho máy huyết học                                 | Hóa chất rửa định kỳ<br>Thành phần:<br>- sodium Hypochlorit < 5,0 %<br>- sodium Hydroxide < 1,0 %<br>- detergent < 1,0 %<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE                                                                                       | Lít         | 10       |         |
| 6   | Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng huyết học thấp            | Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng huyết học mức thấp<br>Thành phần:<br>Hồng cầu của người và động vật có vú, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu mô phỏng, chất lỏng giống huyết tương với chất bảo quản.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE        | ml          | 48       |         |
| 7   | Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng huyết học mức bình thường | Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng huyết học mức bình thường<br>Thành phần:<br>Hồng cầu của người và động vật có vú, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu mô phỏng, chất lỏng giống huyết tương với chất bảo quản.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE | ml          | 48       |         |

| STT | Danh mục hàng hoá                                       | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|
| 8   | Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng huyết học mức cao | <p>Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng huyết học mức cao</p> <p>Thành phần:</p> <p>Hồng cầu của người và động vật có vú, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu mô phỏng, chất lỏng giống huyết tương với chất bảo quản.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE</p>                                                                                                           | ml          | 48       |         |
| 9   | Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu A                    | <p>Thành phần:</p> <p>Hóa chất xác định nhóm máu đơn dòng IgM ABO chứa các kháng thể đơn dòng chuột được pha loãng với dung dịch đệm phosphate có chứa natri clorua, EDTA và albumin bò. Mỗi hóa chất được pha loãng tối ưu để sử dụng với tất cả các kỹ thuật đề nghị được nêu dưới đây mà không cần pha loãng hoặc bổ sung thêm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE</p> | ml          | 70       |         |
| 10  | Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu B                    | <p>Thành phần:</p> <p>Hóa chất xác định nhóm máu đơn dòng IgM ABO chứa các kháng thể đơn dòng chuột được pha loãng với dung dịch đệm phosphate có chứa natri clorua, EDTA và albumin bò. Mỗi hóa chất được pha loãng tối ưu để sử dụng với tất cả các kỹ thuật đề nghị được nêu dưới đây mà không cần pha loãng hoặc bổ sung thêm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE</p> | ml          | 70       |         |
| 11  | Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu AB                   | <p>Thành phần:</p> <p>Hóa chất xác định nhóm máu đơn dòng IgM ABO chứa các kháng thể đơn dòng chuột được pha loãng với dung dịch đệm phosphate có chứa natri clorua, EDTA và albumin bò. Mỗi hóa chất được pha loãng tối ưu để sử dụng với tất cả các kỹ thuật đề nghị được nêu dưới đây mà không cần pha loãng hoặc bổ sung thêm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE</p> | ml          | 70       |         |

| STT | Danh mục hàng hoá                    | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|
| 12  | Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu D | Thành phần:<br>Hóa chất Anti-D là một protein thấp, có chứa đơn dòng IgM và IgG của người được pha loãng trong dung dịch đệm phosphate có chứa natri clorua (0,9 g%), albumin bò (3 g%) và potentiators đại phân tử. Khi cho mẫu bệnh phẩm, thuốc thử này sẽ trực tiếp ngưng kết Rh D tế bào dương tính, bao gồm phần lớn các biến thể (nhưng không phải DVI) và một tỷ lệ cao của yếu D (Du) khi sử dụng các kỹ thuật được đề nghị. Hóa chất được pha loãng tối ưu để sử dụng trên các mẫu bệnh nhân với tất cả các kỹ thuật đề nghị được nêu dưới đây mà không cần pha loãng hoặc bổ sung. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE | ml          | 70       |         |
|     | <b>Cộng : 12 Khoản</b>               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |          |         |
|     | <b>TỔNG CỘNG:<br/>23 Khoản</b>       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |          |         |

